

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 8 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị P và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Ngọc P, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 14, ấp Bình Phú 1, xã Phú Bình, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn H, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 04, ấp Hòa An, xã Hòa Lạc, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 – 3 – 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Ngọc P trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2015 chị và anh Nguyễn H tìm hiểu về tình cảm và tự nguyện kết hôn, năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 24-02-2016. Vợ

chồng sống bình thường tại nhà chồng, đầu năm 2017 vợ chồng đến tỉnh Bình Dương làm công nhân. Tháng 7 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh H sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, chị có khuyên nhưng anh không sửa, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Tháng 6 năm 2019 anh H bỏ đi ở nhà trọ khác và anh chị ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân có gặp nhau nhưng không hàn gắn. Đầu năm 2020 về quê nghỉ tết, tại nhà cha mẹ chồng có mặt anh chị và cha mẹ hai bên, nhưng không hàn gắn được do anh chị quyết định ly hôn. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Tại Đơn xin vắng mặt gửi đến Tòa án nhận qua bưu điện ngày 13-7-2020 anh Nguyễn H (là bị đơn) trình bày, anh và chị P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã Hòa Lạc. Chị P yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Huy, sinh ngày 20-9-2015, chị P đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con 1.000.000đ/tháng, nhưng tại phiên tòa chị P yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Anh H đồng ý giao con cho chị P nuôi, nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản và nợ chung: hai bên đương sự khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, hôn nhân của chị Trần Ngọc P và anh Nguyễn H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn và từ năm 2019 đến nay anh chị ly thân, không hàn gắn, chị P xin ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn, theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị P ly hôn anh H; về nuôi con chung, từ lúc ly thân đến nay chị P nuôi con, nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi, anh H cũng đồng ý giao con cho chị P nuôi, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị P, anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị P phải chịu án phí hôn nhân và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Ngọc P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị P và anh H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, chị P yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý ly hôn, chị P trình bày cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng anh chị quyết định ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị P và anh H.

[4] Về nuôi con chung: hai bên không tranh chấp và thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng Huy cho chị P nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Huy cho chị P trực tiếp nuôi.

[5] Về cấp dưỡng cho con, chị P yêu cầu anh H cấp dưỡng hằng tháng theo quy định, nhưng anh H không đồng ý cấp dưỡng cho con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc anh H phải cấp dưỡng cho con theo quy định.

[6] Về mức cấp dưỡng, căn cứ mục 2 phần III của công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000đ, nếu tính $\frac{1}{2}$ thì bằng 745.000đ/tháng. Chị P cho biết hiện nay anh H làm công nhân có thu nhập từ lương, chị P yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp, nên cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng Huy 1.000.000đ/tháng, kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Huy thành niên.

[7] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về chia tài sản: không có, Tòa án không đề cập.

[9] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[10] Về án phí sơ thẩm, chị P phải chịu án phí hôn nhân và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Ngọc P và anh Nguyễn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 24-02-2016 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Hoàng Huy, sinh ngày 20-9-2015 cho chị P trực tiếp nuôi, chị P đang nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Nguyễn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Hoàng Huy hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ, kể ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Huy thành niên.

2.3. Anh Nguyễn H không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.4. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Chị Trần Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006634 ngày 11-3 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

4.2. Anh Nguyễn H phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đ.

5. Chị Trần Ngọc P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú T;
- UBND xã Hòa Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương